

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2024



Tháng 8 năm 2024

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 -10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 35

TC  
2021  
11

730,  
NGT  
PHẢI  
ÁP K  
G BÌNH  
-TP. H

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024
Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/06/2024
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên	

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/03/2024

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024





Số: 443/2024/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

Tại thời điểm ngày 31/12/2023 Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho cũng như không thực hiện được thủ tục thay thế. Theo đó, Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và tính giá trị của hàng tồn kho với giá trị là 55.308.044.791 VND tại ngày này. Do vậy, chúng tôi cũng không đánh giá được tính đúng kỳ, giá trị của việc ghi nhận doanh thu và giá vốn với số tiền lần lượt là 55.321.183.800 VND và 55.308.044.791 VND trong kỳ của toàn bộ lô hàng nói trên trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 của công ty.

Tại thời điểm phát hành báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2024 với số tiền lần lượt khoảng 576,17 tỷ VND; 82,5 tỷ VND và 7,4 tỷ VND. Các đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2023 cũng không thu thập được và các thủ tục soát xét khác không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với các điều chỉnh (nếu có) đối với các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị khoảng 252 tỷ VND.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính này.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong 06 tháng đầu năm 2024, Công ty lỗ một khoản 49 tỷ VND. Tại thời điểm 30/06/2024, Lỗ lũy kế của công ty là khoảng 310 tỷ VND, tương ứng 45% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty vẫn được trình bày theo giả định liên tục.



**Hoàng Đình Hải**

**Phó Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2282-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024*





Mẫu số B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>417.294.696.332</b>	<b>462.454.055.155</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.302.825.347	10.175.244.925
Tiền	111		302.825.347	175.244.925
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		406.956.032.594	396.386.758.030
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	576.165.344.923	559.261.348.973
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	82.518.268.894	48.165.363.393
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	289.826.211	309.059.088
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(252.017.407.434)	(211.349.013.424)
Hàng tồn kho	140	9	-	55.308.044.791
Hàng tồn kho	141		-	55.308.044.791
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.838.391	584.007.409
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	15.417.586	16.552.169
Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.420.805	57.455.240
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	510.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.953.517.723</b>	<b>11.481.197.095</b>
Tài sản cố định	220		8.952.442.874	11.476.866.717
Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.952.442.874	11.476.866.717
- Nguyên giá	222		15.377.198.132	20.216.407.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.424.755.258)	(8.739.540.505)
Tài sản dài hạn khác	260		1.074.849	4.330.378
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.074.849	4.330.378
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>426.248.214.055</b>	<b>473.935.252.250</b>

Mẫu số B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.770.236.338</b>	<b>29.442.306.816</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.770.236.338</b>	<b>29.442.306.816</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	7.422.159.003	7.078.129.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	16.940.843	81.740.843
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.124.203.230	756.512
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		51.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	762.709.125	761.789.133
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	10.617.000.000	13.743.666.686
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>395.477.977.717</b>	<b>444.492.945.434</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>395.477.977.717</b>	<b>444.492.945.434</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(310.264.651.580)	(261.249.683.863)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(261.249.683.863)	(220.217.002.727)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(49.014.967.717)	(41.032.681.136)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>426.248.214.055</b>	<b>473.935.252.250</b>

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung



Trần Thị Yến Chi



Mẫu số B02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	55.414.335.400	311.181.253.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55.414.335.400	311.181.253.000
Giá vốn hàng bán	11	19	55.401.935.633	310.061.791.684
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.399.767	1.119.461.316
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	115.892.632	295.246.103
Chi phí tài chính	22	21	126.737.988	(251.613.787)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		585.571	88.254.178
Chi phí bán hàng	25	22	27.093.552	27.093.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	42.960.600.361	17.165.804.273
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.986.139.502)	(15.526.576.619)
Thu nhập khác	31	23	226.228.677	29.083.961.108
Chi phí khác	32	24	1.937.006.048	215.113.453
Lợi nhuận khác	40		(1.710.777.371)	28.868.847.655
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(44.696.916.873)	13.342.271.036
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.318.050.844	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(49.014.967.717)	13.342.271.036
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(707)	192
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	(707)	192

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Yến Chi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		(44.696.916.873)	13.342.271.036
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		487.016.156	641.337.372
Các khoản dự phòng	03		40.668.394.010	14.491.302.591
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		140.614	(1.425)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(342.121.309)	(294.995.075)
Chi phí lãi vay	06		585.571	88.254.178
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(3.882.901.831)</b>	<b>28.268.168.677</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.200.634.139)	(28.650.072.101)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		55.308.044.791	50.039.495.798
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.257.025.364	(31.853.425.943)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.390.112	6.780.530
Tiền lãi vay đã trả	14		(585.571)	2.204.821.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.610.480.000)	(40.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>874.858.726</b>	<b>19.975.768.601</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.263.636.364	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.560.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		115.892.632	288.912.883
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.379.528.996</b>	<b>4.848.912.883</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	1.500.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.126.666.686)	(26.714.999.968)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.126.666.686)</b>	<b>(25.214.999.968)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>127.721.036</b>	<b>(390.318.484)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	10.175.244.925	10.852.051.281
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(140.614)	160.971
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	10.302.825.347	10.461.893.768

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Yến Chi



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B09a-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200730878 ngày 12/03/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 31 vào ngày 01/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 30/06/2023 là 693.299.280.000 đồng chia thành 69.329.928 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 69.329.928 cổ phiếu niêm yết tương ứng 693.299.280.000 đồng với mã chứng khoán là QBS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 17 người (tại ngày 31/12/2023 là 18 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty có 1 đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh tại Quảng Bình với hoạt động kinh doanh chính là thương mại và dịch vụ.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

0878-C  
TY  
HÂN  
AP KHẨU  
BÌNH  
-TP. HẢI

16



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Mẫu số B09a-DN**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

**2.4 GIẢ THIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Trong 06 tháng đầu năm 2024, Công ty lỗ một khoản 49 tỷ VND. Tại thời điểm 30/06/2024, Lỗ lũy kế của công ty là khoảng 310 tỷ VND, tương ứng 45% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty vẫn đang quá trình đàm phán kinh doanh Xuất nhập khẩu các mặt hàng mới, hiệu quả hơn. Dự kiến các sản phẩm Xuất nhập khẩu mới này sẽ có doanh thu trong cuối năm 2024. Công ty cũng đang tích cực thu xếp tài chính hoàn thành các nghĩa vụ thuế của nhà nước. Ban điều hành của Công ty cam kết tiếp tục hoạt động trong tương lai. Do đó, Ban Điều hành Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này, do mới chỉ có quy định về trình bày và thuyết minh mà chưa có hướng dẫn về ghi nhận và đo lường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh.

**3.10 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

**3.11 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Mẫu số B09a-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, hóa chất và cho thuê lại kho, cho thuê ô tô,.....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng đầu tư tài chính.

**3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Mẫu số B09a-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	91.797.808	12.714.223
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	211.027.539	162.530.702
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.302.825.347</b>	<b>10.175.244.925</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 1,9%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi ký quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>576.165.344.923</b>	<b>(206.753.641.919)</b>	<b>559.261.348.973</b>	<b>(166.085.247.909)</b>
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thủy	9.595.261.492	(9.595.261.492)	9.595.261.492	(9.595.261.492)
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	166.805.828.800	(19.075.267.400)	132.049.764.300	(2.401.510.440)
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	(107.316.072.995)	107.316.072.995	(107.316.072.995)
- Công ty TNHH TM và Đầu tư Hoàng Cầu	131.488.750.000	(42.039.925.000)	131.488.750.000	(42.039.925.000)
- Công ty Cổ Phần XNK Hà Nội	99.060.155.500	(23.335.411.950)	99.060.155.500	-
- Công ty Cổ phần SFOODS	24.000.000	-	68.007.203.950	-
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ	50.176.183.800	-	-	-
- Khách hàng khác	11.699.092.336	(5.391.703.082)	11.744.140.736	(4.732.477.982)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>576.165.344.923</b>	<b>(206.753.641.919)</b>	<b>559.261.348.973</b>	<b>(166.085.247.909)</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>82.518.268.894</b>	<b>(45.114.548.893)</b>	<b>48.165.363.393</b>	<b>(45.114.548.893)</b>
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	(38.406.500.000)	38.406.500.000	(38.406.500.000)
- Công ty Cổ phần Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất Nhập khẩu Trần Trang	22.150.000.000	-	1.450.064.500	-
- Công ty TNHH MTV TM&DV XNK Bách Việt Hà Nội	7.615.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	9.880.942.982	(2.242.222.981)	3.842.972.981	(2.242.222.981)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>82.518.268.894</b>	<b>(45.114.548.893)</b>	<b>48.165.363.393</b>	<b>(45.114.548.893)</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>289.826.211</b>	<b>(149.216.622)</b>	<b>309.059.088</b>	<b>(149.216.622)</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.109.589	-	47.342.466	-
- Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	112.500.000	-
- Phải thu khác	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>289.826.211</b>	<b>(149.216.622)</b>	<b>309.059.088</b>	<b>(149.216.622)</b>

00073  
 CÔNG  
 PHÁP  
 HẬP K  
 G BÌN  
 TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

**8. NỢ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-
- Công ty CP Thực ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
- Công ty Cổ phần EEI	210.000.000	-	210.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Trung Nguyên	4.650.000	-	4.650.000	-
- Al Hamd Argo Food Products PVT.Ltd	701.400.000	-	701.400.000	-
- ALRVAK LTD	698.436.360	-	698.436.360	-
- M/S Blue Park SeaFood SPVT Ltd	115.260.000	-	115.260.000	-
- Hong Kong Jun YU International Import and Export Trading Co, Ltd	76.440.621	-	76.440.621	-
- IBer Digest S.L	208.071.000	-	208.071.000	-
- Siddiq Sea Food	114.120.000	-	114.120.000	-
- South Fish SeaFood S.A.C	113.845.000	-	113.845.000	-
- Công ty TNHH TM Hóa chất An Phát	43.647.749	-	43.647.749	-
- YonShing Trade Co.,Ltd	191.679.004	-	191.679.004	-
- Cano Pus Inter -Trade Pte Lid	149.216.622	-	149.216.622	-
- Công ty TNHH TM XNK Nhật Thủy TP Nam Ninh	9.595.261.492	-	9.595.261.492	-
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	-	107.316.072.995	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.805.828.800	147.730.561.400	132.049.764.300	129.648.253.860
- Công ty SW Intertrade Trading	4.520.258.250	2.227.480.459	4.486.106.650	2.852.553.959
- Công ty TNHH TM và Đầu tư Hoàng Cầu	131.488.750.000	89.448.825.000	131.488.750.000	89.448.825.000
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	-	38.406.500.000	-
- Công ty CP XNK Hà Nội	99.060.155.500	75.724.743.550	99.060.155.500	99.060.155.500
<b>Cộng</b>	<b>567.149.017.843</b>	<b>315.131.610.409</b>	<b>532.358.801.743</b>	<b>321.009.788.319</b>
		<b>252.017.407.434</b>		<b>211.349.013.424</b>

Ch



Đ. N. 0  
C  
C  
UẤT N  
QUÁN  
BẢNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B09a-DN

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	-	-	55.308.044.791	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>55.308.044.791</b>	-

HÀ  
1062  
/VA

h

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.417.586</b>	<b>16.552.169</b>
- Các khoản khác	15.417.586	16.552.169
<b>Dài hạn</b>	<b>1.074.849</b>	<b>4.330.378</b>
- Công cụ dụng cụ phân bổ	-	1.217.672
- Các khoản khác	1.074.849	3.112.706
<b>Cộng</b>	<b><u>16.492.435</u></b>	<b><u>20.882.547</u></b>



104

16



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Mẫu số B09a-DN

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2024	11.214.964.082	397.272.773	7.773.049.543	831.120.824	20.216.407.222
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.839.209.090)	-	(4.839.209.090)
30/06/2024	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	15.377.198.132
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2024	(2.540.805.305)	(397.272.773)	(4.990.544.493)	(810.917.934)	(8.739.540.505)
- Khấu hao trong kỳ	(231.647.958)	-	(251.327.624)	(4.040.574)	(487.016.156)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.801.801.403	-	2.801.801.403
30/06/2024	(2.772.453.263)	(397.272.773)	(2.440.070.714)	(814.958.508)	(6.424.755.258)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2024	8.674.158.777	-	2.782.505.050	20.202.890	11.476.866.717
30/06/2024	8.442.510.819	-	493.769.739	16.162.316	8.952.442.874

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 2.008.461.542 VND, tại ngày 01/01/2024 là 2.703.790.632 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.422.159.003</b>	<b>7.422.159.003</b>	<b>7.078.129.505</b>	<b>7.078.129.505</b>
- Công ty CP DAP-VINACHEM	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800
- Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
- Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
- FAGRO INTERNATIONAL TRADING FZE	3.114.784.947	3.114.784.947	2.987.249.097	2.987.249.097
- Khách hàng khác	1.116.981.256	1.116.981.256	900.487.608	900.487.608
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.422.159.003</b>	<b>7.422.159.003</b>	<b>7.078.129.505</b>	<b>7.078.129.505</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.940.843</b>	<b>-</b>	<b>81.740.843</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	16.940.843	-	81.740.843	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>16.940.843</b>	<b>-</b>	<b>81.740.843</b>	<b>-</b>

Ch



(G-TI) (007) ĐỒNG PHỤ NHẬT NGI

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁU QUẢNG BÌNH  
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Mẫu số B09a-DN

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	231.083.636	229.057.524	2.026.112
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.808.050.844	1.610.480.000	2.197.570.844
- Thuế thu nhập cá nhân	756.512	5.252.388	5.679.344	329.556
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.924.276.718	-	1.924.276.718
	<b>756.512</b>	<b>5.972.663.586</b>	<b>1.849.216.868</b>	<b>4.124.203.230</b>
	<b>01/01/2024</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	510.000.000	510.000.000	-	-
	<b>510.000.000</b>	<b>510.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

2

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000	-	3.126.666.686
Vay cá nhân (1)	10.617.000.000	10.617.000.000	-	13.677.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	-	66.666.686
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	-	-	-	66.666.686
<b>Cộng</b>	<b>10.617.000.000</b>	<b>10.617.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.126.666.686</b>
				<b>13.743.666.686</b>
				<b>13.743.666.686</b>

Vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.1

Thuyết minh chi tiết về các khoản vay tại thời điểm 30/06/2024:

(1) Vay cá nhân:

Vay cá nhân với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH  
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Mẫu số B09a-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>762.709.125</b>	<b>761.789.133</b>
- Kinh phí công đoàn	21.220.416	20.300.424
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	741.488.709
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>762.709.125</b>	<b>761.789.133</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2023	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(220.217.002.727)	485.525.626.570				
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(41.032.681.136)	(41.032.681.136)				(41.032.681.136)
31/12/2023	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(261.249.683.863)	444.492.945.434				
01/01/2024	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(261.249.683.863)	444.492.945.434				
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(49.014.967.717)	(49.014.967.717)				(49.014.967.717)
30/06/2024	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(310.264.651.580)	395.477.977.717				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Mẫu số B09a-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**  
**17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000	92.005.790.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	601.293.490.000	601.293.490.000
<b>Cộng</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>693.299.280.000</b>

**17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ tức	-	-

**17.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Mẫu số B09a-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>55.577.971.764</b>	<b>311.181.253.000</b>
- Doanh thu bán hàng	55.321.183.800	310.341.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	93.151.600	840.253.000
<b>Cộng</b>	<b>55.414.335.400</b>	<b>311.181.253.000</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>
- Giá vốn hàng hóa đã bán	55.308.044.791	309.745.745.798
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	93.890.842	316.045.886
<b>Cộng</b>	<b>55.401.935.633</b>	<b>310.061.791.684</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.892.632	254.995.075
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	40.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	251.028
<b>Cộng</b>	<b>115.892.632</b>	<b>295.246.103</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>
- Chi phí lãi vay	585.571	88.254.178
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	126.152.417	249.603
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(340.117.568)
<b>Cộng</b>	<b>126.737.988</b>	<b>(251.613.787)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Mẫu số B09a-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>42.960.600.361</b>	<b>17.165.804.273</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.099.914.873	1.297.986.600
- Chi phí đồ dùng văn phòng	25.012.547	23.302.626
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	385.481.762	591.947.934
- Chi phí dự phòng	40.668.394.010	14.831.420.159
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.086.605	357.216.304
- Chi phí bằng tiền khác	69.710.564	63.930.650
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	<b>27.093.552</b>	<b>27.093.552</b>
- Chi phí khấu hao TSCĐ	27.093.552	27.093.552
<b>Cộng</b>	<b>42.987.693.913</b>	<b>17.192.897.825</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	226.228.677	-
- Chi phí lãi vay được miễn, giảm (*)	-	29.083.961.108
<b>Cộng</b>	<b>226.228.677</b>	<b>29.083.961.108</b>

(\*) Công ty được miễn giảm lãi tiền vay theo biên bản làm việc số 15/02/2023/BBLVF ngày 15/02/2023 giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình và Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ.

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	1.937.006.048	-
- Các khoản chi phí khác	-	215.113.453
<b>Cộng</b>	<b>1.937.006.048</b>	<b>215.113.453</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(44.696.916.873)	13.342.271.036
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.190.352.465	342.305.776
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.684.576.812
- Chuyển lỗ các năm trước	-	13.684.576.812
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(42.506.564.408)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
- Thuế TNDN truy thu các năm trước	4.318.050.844	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.318.050.844</b>	<b>-</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(49.014.967.717)	13.342.271.036
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(707)	192

**27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Điều hành Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	25.012.547	23.302.626
- Chi phí nhân công	1.099.914.873	1.297.986.600
- Khấu hao tài sản cố định	487.016.156	641.337.372
- Chi phí dự phòng	40.668.394.010	14.831.420.159
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.086.605	357.216.304
- Chi phí bằng tiền khác	89.160.564	357.680.650
<b>Cộng</b>	<b>43.081.584.755</b>	<b>17.508.943.711</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong kỳ, Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu thương mại kinh doanh mặt hàng phân bón hóa chất và toàn bộ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**30. THÔNG TIN KHÁC**

**30.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 18/03/2024

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	3.060.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	10.617.000.000	13.677.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>
- Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	121.940.884	114.228.138
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Từ nhiệm ngày 21/07/2022)	79.153.495	-
- Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị	77.385.706	88.162.897
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	70.984.362	67.687.538
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	67.055.804	68.702.029
- Ông Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	68.952.811	65.970.355
<b>Cộng</b>		<b>485.473.062</b>	<b>404.750.957</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,  
thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Mẫu số B09a-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**30.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trần Thị Yến Chi

